

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2024.

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Ninh;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị Th, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Xóm ĐK, xã LV, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tùng A, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố PX, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Ma Thị Th trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Tùng A được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình nhất trí và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, năm năm 2016 anh, chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 07/6/2016. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian, đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh Tùng Anh bất đồng quan điểm sống, anh Tùng A không quan tâm đến gia đình và vợ con, không chịu khó làm ăn, cả ngày chỉ ăn và ngủ không muốn tiếp xúc với ai và làm việc gì. Mâu thuẫn vợ chồng đã được người thân hai bên gia

đình khuyên giải nhiều lần, nhưng anh Tùng A không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chịu đựng được nên từ tháng 6 năm 2020 anh, chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Th xác định chị và anh Tùng A có 01 con chung là cháu Nguyễn Đại L, sinh ngày 23/3/2016. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Long cho đến khi trưởng thành. Chị Th không yêu cầu anh Tùng A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Th xác định chị và anh Tùng A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Tùng Anh để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của anh Tùng A trước pháp luật. Tuy nhiên, anh Tùng A không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, ông Nguyễn Ngọc Sơn là bố đẻ của anh Tùng A cung cấp thông tin: Gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh Tùng A, nhưng anh Tùng A không muốn đến Tòa án giải quyết vụ án. Ông Sơn công nhận chị Thái và anh Tùng Anh được tự nguyện tìm hiểu nhau được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn năm 2016. Thời gian đầu ông thấy anh chị chung sống hạnh phúc không cãi cọ nhau, sau đó do anh Tùng A không quan tâm, chăm lo cho vợ con nên chị Th đi làm công nhân vẫn về thăm nhà, nhưng từ cuối năm 2019 chị Th đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã LV sinh sống. Chị Th và anh Tùng A có 01 con chung là cháu Nguyễn Đại L, sinh năm 2016 hiện nay cháu đang sống cùng chị Th. Về tài sản chung, ông Sơn xác định anh Tùng A và chị Th không có tài sản chung vì từ khi chị Thái về nhà ông làm dâu vẫn sống cùng gia đình ông. Nay chị Thái xin ly hôn với anh Nguyễn Tùng Anh, ông không có ý kiến gì, tùy thuộc vào quyết định của anh chị.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thiệp là bà nội sống cùng nhà với anh Tùng A trình bày: Chị Th về làm dâu tại gia đình nhà bà, có cưới hỏi và đăng ký kết hôn theo quy định, gia đình chung sống hòa thuận. Chị Th chịu khó làm ăn, buôn bán nhỏ tại chợ Bảo Cường để kiếm sống. Tuy nhiên, sau khi chị Thái sinh con vào năm 2016, anh Tùng A có biểu hiện không muốn tiếp xúc với ai, không quan tâm đến vợ con. Tuy nhiên, anh Tùng A không chửi mắng, đánh đập gì chị Th, gia đình đã động viên anh Tùng A nhiều nhưng anh Tùng A không thay đổi dẫn đến chị Thái đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã LV, huyện Đ sinh sống, thỉnh thoảng vẫn đưa cháu về thăm gia đình chồng. Nay chị Th xin được ly hôn anh Tùng A, bà

không có ý kiến gì, mong Tòa án giao con chung của anh, chị cho chị Thái nuôi dưỡng, chăm sóc để cháu có điều kiện học tập đầy đủ.

Tại phiên tòa, chị Thái giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn; giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Đối với đương sự: Chị Thái đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Tùng Anh không chấp hành, không tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ma Thị Th với anh Nguyễn Tùng A. Giao con chung là cháu Nguyễn Đại L, sinh ngày 23/3/2016 cho chị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành. Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Tùng Anh – là bị đơn trong vụ án đã được Toà án tổng đạt Giấy triệu tập phiên toà và có đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Th và anh Nguyễn Tùng A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của chị Thái thấy: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Tùng A để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của anh Tùng A trước pháp luật. Tuy nhiên, anh Tùng Anh không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản nêu ý kiến của mình. Căn cứ lời trình bày của chị Thái thấy: Quá trình chung sống, giữa chị Th và anh Tùng A nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau, chị Thái xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Thái kiên quyết xin được ly hôn với anh Tùng Anh.

Ông Sơn là bố đẻ và bà Th là bà nội của anh Tùng A trình bày: Việc chị Thái và anh Tùng Anh kết hôn là tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý, trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân thân; Chị Thái và anh Tùng Anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Đại Long, hiện nay cháu Long đang ở cùng chị Th; Về tài sản chung, chị Thái và anh Tùng A không có tài sản chung.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái, cho ly hôn giữa chị Thái với anh Tùng Anh.

Về con chung: Chị Thái và anh Tùng Anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Đại Long, sinh ngày 23/3/2016, khi ly hôn chị Thái đề nghị được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Long trưởng thành, chị Thái không yêu cầu anh Tùng Anh cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Thái là người khỏe mạnh, có công việc và chỗ ở ổn định, trong quá trình giải quyết anh Tùng Anh không có ý kiến trình bày quan điểm của mình về việc xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung của chị Thái và hiện nay cháu Long đang được chị Thái nuôi dưỡng có cuộc sống và học tập ổn định. Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Thái về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Thái xác định, chị và anh Tùng Anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ma Thị Thái phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ma Thị Thái.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ma Thị Thái với anh Nguyễn Tùng Anh.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đại Long, sinh ngày 23/3/2016 cho chị Ma Thị Thái trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Tùng Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Tùng Anh do chị Ma Thị Thái tự nguyện không yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ma Thị Thái phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0006268, ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn TC, huyện Đ;
(ĐKKH số 21 ngày 07/6/2016)
- Lưu HS.

Lê Hồng Khánh